TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2023
"*V/v ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phước

2. Bà Trần Thị Phiến

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 251/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc " *Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Song **T**, sinh năm 1971; trú tại: ấp Phú Thạnh, xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Đức **V**, sinh năm 1969; trú tại: ấp Phú Thạnh, xã Phú Long, huyện Châu Thành, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, chị Lê Song **T** trình bày:*

Chị và anh **V** tự tìm hiểu nhau, tổ chức lễ cưới vào ngày 24/7/1996 và chung sống vợ chồng từ đó. Ngày 03/12/1996 chị và anh **V** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con. Ngoài ra, kinh tế gia đình do chị lo liệu, còn anh **V** thì luôn chửi mắng, hăm dọa đòi giết chị và đuổi ra khỏi nhà. Anh

V có tính gia trưởng nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh **V**. Hiện tại vợ chồng vẫn sống chung gia đình nhưng chị không còn tình cảm với anh **V**.

Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thúy Vi, sinh ngày 02/8/1997 và Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 29/12/2007.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh **V**. Con chung tên Nguyễn Thúy Vi, sinh ngày 02/8/1997 đã trưởng thành tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 29/12/2007, không yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị và anh **V** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn, anh Nguyễn Đức **V**:* Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị **T**, không đến Tòa án để làm việc. Tòa án trực tiếp đến làm việc thì anh **V** không hợp tác, không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Song **T** được ly hôn với anh Nguyễn Đức **V**.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Lê Song **T** được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 29/12/2007. Chị **T** không yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị **T** xác định để tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị **T** xác định không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

6. Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Lê Song **T** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đức **V**, đây là vụ án "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Nguyễn Đức **V** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Đức **V**.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Lê Song **T** yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức **V**, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **V** chung sống với nhau năm 1996. Ngày 03/12/1996 chị và anh **V** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của chị **T** và anh **V** là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân xin ly hôn chị **T** trình bày do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, chị lo kinh tế gia đình, còn anh **V** thì luôn chửi mắng, hăm dọa đòi giết chị và đuổi ra khỏi nhà. Anh **V** có tính gia trưởng nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh **V**. Hiện tại vợ chồng vẫn sống chung gia đình nhưng chị không còn tình cảm với anh **V**. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh **V** nhưng anh không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị **T**. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhằm động viên hòa giải để chị **T** và anh **V** đoàn tụ trở về chung sống nhưng anh **V** không tham gia. Qua đó, chứng tỏ anh **V** không có ý định muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **T**. Vì vậy, mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **V** là trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn lại với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, việc chị **T** yêu cầu ly hôn với anh **V** đã thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Thị xác định có con chung tên Nguyễn Thúy Vi, sinh ngày 02/8/1997 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống; Đối với Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 29/12/2007 trong thời gian ly thân với anh **V** mặc dù sống chung nhà với anh **V** nhưng chị là người lo chi phí học hành và nuôi dạy nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Đồng thời, Nguyễn Gia bảo cũng có nguyện vọng được sống chị sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị **T** về việc được nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **T** không yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị **T** không yêu cầu giải quyết mà để tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị **T** xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung vụ án.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Song **T**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Song **T** được ly hôn với anh Nguyễn Đức **V**.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Lê Song **T** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 29/12/2007. Chị **T** không yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Chị Lê Song **T** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **V** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí và tạm ứng án phí:

Chị Lê Song **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên liên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013451 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. (đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Đức **V** vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND Phường 3, Quận 4, TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hoàng